TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2024/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 18 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Trần Thị Hồng C, sinh năm: 1993,

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Trần Trung Q, sinh năm: 1995,

Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện C1, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng C và anh Trần Trung Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện C1, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/11/2018, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm nhau, anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt được. Nay, anh chị xác định tình cảm giữa vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho

anh chị thuận tình ly hôn. Do đó có căn cứ công nhận cho chị Trần Thị Hồng C và anh Trần Trung Q thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị Trần Thị Hồng C và anh Trần Trung Q không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[2] Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Trần Thị Hồng C và anh Trần Trung Q phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001800 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Bến Tre.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (10/01/2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Hồng C và anh Trần Trung Q thuận tình ly hôn.

Ghi nhận chị Trần Thị Hồng C và anh Trần Trung Q không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung:* Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- *Về tài sản chung:* Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- *Về nợ chung:* Hai bên khai không có nên không xét đến.

2. *Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm* là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Trần Thị Hồng C và anh Trần Trung Q phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001800 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Bến Tre. Chị Trần Thị Hồng C và anh Trần Trung Q đã nộp lệ phí xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P1;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Triều